NGHỆ THUẬT LUẬN CHIẾN CỦA BÚT KÝ CHÍNH LUẬN TRONG DÒNG VĂN HỌC YÊU NƯỚC Ở ĐÔ THỊ MIỀN NAM GIAI ĐOẠN 1965-1975

Nguyễn Thanh Duy[1] và Bùi Thanh Thảo[2]*

[1]Báo Thanh niên, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

[2]Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

[*] Tác giả liên hệ: btthao@ctu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 20/9/2022; Ngày nhận chỉnh sửa: 24/10/2022; Ngày duyệt đăng: 17/02/2023

Tóm tắt

Nghệ thuật luận chiến có đóng góp quan trọng vào diện mạo và thành tựu của thể loại bút ký chính luận trong dòng văn học yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975. Bài viết nghiên cứu nghệ thuật luận chiến trong một số bút ký chính luận nổi bật của các cây bút quen thuộc ở dòng văn học này. Bài viết cho thấy các tác giả đã có sự vận dụng hiệu quả những thủ pháp và thao tác trong lập luận để góp phần tạo nên sự thành công của mảng văn học này.

Từ khoá*: Bút ký chính luận, dòng văn học yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975, lập luận, tương phản-đối lập, nghệ thuật luận chiến.*

DOI: https://doi.org/10.52714/dthu.12.6.2023.1119

TTrích dẫn: Nguyễn, T. D., & Bùi, T. T. (2023). Nghệ thuật luận chiến của bút ký chính luận trong dòng văn học yêu nước ở đô thị miền Nam giai đoạn 1965-1975. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, 12*(6), 89-98.https://doi.org/10.52714/dthu.12.6.2023.1119.

THE POLEMIC ARTISTRY OF COMMENTATED TREATISE IN THE 1965-1975 PATRIOTIC LITERATURE FROM THE URBAN SOUTH

Nguyen Thanh Duy[1] and Bui Thanh Thao[2]*

[1]Thanh Nien Newspaper, Can Tho City, Vietnam

[2]School of Scocial Sciences and Humanites, Can Tho University, Vietnam

[*]Corresponding author: btthao@ctu.edu.vn

Article history

Received: 20/9/2022; Received in revised form: 24/10/2022; Accepted: 17/02/2023

Abstract

The artistry of polemic has devoted a crucial contribution to the appearance and achievements of the commentated treatise genre in the southern urban patriotic literature streams from 1965 to 1975. This article studied the polemic artistry in some of commentated treatises written by excellent writers. The result shows that those writers have effectively utilized the tactics and manipulation of arguments to enormously contribute to the success of this literary field.

Keywords: *Argument, contrast-opposition, commentated treatise, polemic artistry, 1965-1975 patriotic literature from the urban South.*

1. Đặt vấn đề

Dòng văn học yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975 phát triển phong phú với nhiều thể loại, trong đó bút ký chính luận được xem là "hiện tượng đặc sắc" (Trần, 2000, tr. 90), có sự đột phá về đội ngũ sáng tác, số lượng lẫn chất lượng tác phẩm so với giai đoạn trước, 1954-1965. Xét về thể loại, bút ký chính luận mang đặc điểm riêng vì công khai bộc lộ tư tưởng, cảm hứng, chính kiến của cái tôi tác giả đối với các sự kiện "có vấn đề" về chính trị, xã hội, văn hoá, giáo dục, tôn giáo, giới trẻ, đế quốc Mỹ, chính quyền Sài Gòn,... Do đó, nghệ thuật luận chiến có đóng góp không nhỏ vào diện mạo, thành tựu của mảng văn học này.

Nghệ thuật luận chiến được hiểu là những hình thức tranh luận công khai bằng lý lẽ, lý luận để củng cố, bảo vệ cho quan điểm, chân lý của người viết. Khảo sát hơn 200 tác phẩm bút ký chính luận trong nhóm này, chúng tôi nhận thấy có những thủ pháp, thao tác được các tác giả thường xuyên sử dụng và mang lại sự thành công nhất định, nổi bật là ba phương diện: thao tác lập luận, thủ pháp *gậy ông đập lưng ông* và thủ pháp *tương phản - đối lập*. Việc nghiên cứu còn có thể giúp hiểu thêm về tư duy nghệ thuật của các tác giả trong việc phản ánh hiện thực, thể hiện tinh thần tranh đấu và tuyên truyền nội dung yêu nước.

2. Những nét nổi bật về nghệ thuật luận chiến trong bút ký chính luận ở đô thị miền Nam 1965-1975

2.1. Lập luận logic, chặt chẽ

Thể loại bút ký chính luận chú trọng đến thông tin lý lẽ nên sự thành công của tác phẩm, sức thuyết phục đối với độc giả phụ thuộc nhiều vào khả năng lập luận của người viết (luận cứ, luận điểm, luận chứng). Phần lớn luận cứ trong bút ký chính luận (trong dòng văn học yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975 là những sự kiện đã hoặc đang xảy ra trong thực tiễn nên khó có thể phản bác được. Các tác giả tuy tập trung vào việc bộc lộ lý lẽ và tâm trạng, nhưng yếu tố người thật việc thật vẫn là chất liệu cơ bản quan trọng của việc trần thuật. Chẳng hạn, khi dẫn dắt sự kiện nhân dân tiến bộ ở Mỹ phản đối cuộc chiến tranh tại Việt Nam, Lý Chánh Trung phản ánh qua ngữ liệu như sau: "Trong ngày 9/4, ông Nixon đã bị một nhóm biểu tình chận đầu la ó khi ông đi dự lễ ở nhà thờ Saint John. Tại Cựu Kim Sơn, ông Thứ trưởng Quốc phòng D.Packard cũng lâm vào cảnh tương tự và phải tìm một địa điểm khác để diễn thuyết. Ngày 10/4, 500 phụ nữ Hoa Kỳ biểu tình trước Ngũ giác đài, đầu não của guồng máy chiến tranh, vừa đi vừa rên hừ hừ như vừa bị thương ngoài chiến địa" (*Bão hoà bình*) (Lý, 2005, tr. 105). Đoạn văn trên khá đầy đủ nội dung về đối tượng, sự kiện, sự việc, không gian, thời gian. Tác giả như đã tham dự, chứng thực (hoặc đã tìm hiểu rất kỹ vấn đề) để cung cấp thông tin sự thật, qua đó tạo nên độ tin cậy đối với người đọc.

Ngoài phương cách lập luận dựa vào bản chất nội tại của vấn đề để tự giải quyết nó, các tác giả còn mở rộng phạm vi luận cứ với các kiến thức bên ngoài sát hợp với vấn đề nghị luận. Những vấn đề cần sự khái quát rộng, quy nạp nhiều quan điểm hay diễn giải những tư tưởng khó, người viết linh hoạt liên hệ luận cứ thuộc nhiều lĩnh vực như: triết học, văn hoá, văn học, sử học, tôn giáo, âm nhạc, quân sự, chính trị, kinh tế... Tìm hiểu những bài viết như *Giở lại hồ sơ vụ Mỹ Lai, Các cuộc giết người tương tự* của Hoàng Phủ Ngọc Phan, *Từ Vatican sang Bắc Kinh, Những cao bồi cỡi ngựa bay, "Lời nói chót của tôi là: Hòa bình", Kỷ lục bần tiện và kỷ lục phá sản*… của Nguyễn Ngọc Lan, *Những con vật có hai chân, Socrate và bọn trí thức thiên tả, Sinh viên James Bond* của Lý Chánh Trung.., nguồn dữ kiện, thông tin được tác giả trích dẫn dồi dào, sinh động. Với tít *Giở lại hồ sơ vụ Mỹ Lai,* Hoàng Phủ Ngọc Phan có lẽ đã khiến người đọc không cảm thấy thất vọng khi đưa ra hàng loạt dữ kiện đắt giá, phong phú ở nhiều góc độ khác nhau liên quan đến vụ sự kiện đau thương này. Bài viết có dung lượng nhỏ gọn (2 trang giấy in) nhưng đầy đặn các lời tường thuật, ý kiến, nhận xét của nhiều đối tượng trong và ngoài cuộc như cựu quân nhân Mỹ, lính Mỹ, nhiếp ảnh chiến trường, phóng viên báo chí, Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa và cả những thường dân may mắn còn sống sót tại Mỹ Lai. Điều này đã góp phần giúp độc giả có cái nhìn cụ thể, đa chiều, khách quan về tính chính xác, sự khả tín của tác phẩm.

Bên cạnh đó, sức thuyết phục của luận cứ trong bút ký chính luận ở đô thị miền Nam 1965-1975 còn nằm ở hệ thống số liệu. Nhìn chung, số liệu được các tác giả xử lý ở hai dạng chính: con số tương đối mang tính ước lượng thể hiện cảm xúc chủ quan của người viết và con số tuyệt đối có giá trị khoa học, nguồn gốc tư liệu rõ ràng. Để minh chứng sự bóc lột của

Mỹ dưới danh nghĩa đầu tư hay viện trợ, Lý Chánh Trung trích dẫn những con số chi tiết trong công trình khoa học nhiều năm nghiên cứu của Jean Chevalier về Châu Mỹ La Tinh từ 1951 đến 1961 - quyển "*La po - litique du Vatican*": "Hoa Kỳ đầu tư tại đây 9.600 triệu đô la và đã rút về 13.400 triệu đô la tiền lời! Nói cách khác, thay vì Mỹ giúp vốn cho các nước nghèo chính các nước nghèo đã phải giúp vốn cho Mỹ! Và tại một nước như Venézuela là một trong những xứ giàu nhất về dầu lửa và được Hoa Kỳ chiếu cố nhiều nhất, 50% dân chúng đang thất nghiệp và thiếu ăn, tử suất của trẻ con là 25%, 50% trẻ con là vô thừa nhận, 200.000 trẻ con bị bỏ rơi, 40% nhà cửa là những ổ chuột trong khi 2,5% địa chủ chiếm 80% ruộng đất" (*Tiếng nói hoà bình: Tiếng nói vô danh*) (Lý, 1971, tr. 198). Trong đoạn văn này, những con số đóng vai trò là loạt bằng chứng đầy đủ cơ sở để tác giả vạch trần bản chất bóc lột của chủ nghĩa thực dân mới, qua đó, người đọc sẽ có thêm cơ sở để đánh giá lại vai trò của Mỹ ở miền Nam.

Đội ngũ tác giả của bút ký chính luận ở đô thị miền Nam 1965-1975 hầu hết là những trí thức có kinh nghiệm làm báo, một số tác giả vừa có trình độ học vấn cao vừa am hiểu kiến thức nhiều lĩnh vực (trường hợp của giáo sư Nguyễn Ngọc Lan và giáo sư Lý Chánh Trung). Điều này cũng góp phần làm cho nghệ thuật lập luận thêm tính logic, chặt chẽ, nghĩa là làm cho lập luận trong tác phẩm trở nên phù hợp với quy luật cuộc sống, không rơi vào tình trạng mơ hồ, nhập nhằng hoặc mâu thuẫn. Trong việc tổ chức lập luận, người viết đã vận dụng tốt các thao tác giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận,... tạo nên sự hợp lý cho việc triển khai ý tưởng.

Bút ký chính luận có dung lượng nhỏ, luận điểm, luận cứ lại phải dồi dào, phong phú. Người viết nếu "non tay" trong khả năng xử lý, sắp xếp các luận điểm, luận cứ hợp lý, tác phẩm có thể rối rắm, các ý sẽ chồng lấn hoặc rời rạc. Phương thức luận chứng trong bút ký chính luận ở đô thị miền Nam 1965-1975 đã cho thấy sự hiệu quả nhất định khi các tác giả đã khéo léo triển khai các ý nhỏ trong mỗi phần luận điểm, luận cứ nhất quán, vừa khai thác triệt để những luận cứ, vừa làm sáng tỏ được luận điểm. Chẳng hạn, trong bài *Những con vật có hai chân*, làm rõ cho luận điểm nỗi đau và tổn thất nặng nề của các nạn nhân Việt Nam trong lịch sử chiến tranh, Lý Chánh Trung đã trích dẫn và khai triển các luận cứ phù hợp, liên quan trực tiếp với luận điểm. Hình thức diễn dịch đã được tác giả vận dụng:

"Riêng tại miền Nam, một Uỷ ban của Thượng Viện Mỹ do ông Edward Kennedy chủ trì, vừa công bố kết quả sơ khởi của cuộc điều tra về nạn nhân chiến tranh. Theo báo cáo của Uỷ ban thì chỉ trong những vùng do chánh phủ Việt Nam Cộng Hoà kiểm soát, số thường dân bị thương, thương vong hàng năm là từ 100.000 tới 150.000 người. Trong đó số người chết tối thiểu là 25%. Theo lời khai của bác sĩ Knowles, hiện nay có ít nhất 35.000 thường dân bị cụt chân cụt tay (...) Trong một tờ tường trình về các bệnh viện ở Đà Nẵng, Quảng Trị và nhiều đô thị khác, bác sĩ Herbert Needleman viết: "chật ních, dơ dáy, hôi hám đến lợm giọng...". Đầu năm 1966, ông William F. Pepper, Giám đốc một viện nghiên cứu về trẻ em, đã làm một cuộc điều tra về hậu quả của bom xăng đặc và phốt pho trắng trên trẻ em Việt Nam. Trong báo cáo, ông viết: "Không biết bao nhiêu ngàn trẻ Việt Nam đang thở dốc vì khủng khiếp và đau đớn, và mỗi ngày những đứa trẻ ấy đang biết thêm thế nào là sự chết (...). Trong một buổi trình diễn âm nhạc Việt Nam tại nước Anh, bà Mộng Trung đã gặp hai em bé Việt Nam nạn nhân của bom xăng đặc (...) "Đó không phải là mặt người mà là hai đống thịt bầy nhầy, sứt mẻ, méo mó (...)" (Lý, 2005, tr. 9-13). Trong dẫn chứng trên, Lý Chánh Trung đã tích hợp 5 điểm nhìn của các chủ thể khác nhau ghi nhận về những thiệt hại trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam để làm sáng rõ, thuyết phục cho luận điểm. Phương diện này một mặt bộc lộ phẩm tính trung thực của luận cứ, mặt khác đã cho thấy được hình thức tổ chức, kết nối các luận điểm, luận cứ hợp lý, nhất quán.

Bên cạnh đó, việc phân tích vấn đề ở nhiều nhiều bình diện để tránh sự cực đoan một chiều đã giúp cho quá trình lập luận thêm phần thấu đáo, sâu sắc. Trong bài *Nước ta còn đó,* cuộc tranh đấu của các công nhân nữ trong hãng Pin Con Ó được Nguyễn Ngọc Lan tham chiếu, bình luận với các điểm nhìn gần - xa, lợi - hại, được - mất khác nhau. Ở hiện tại, cuộc đấu tranh có thể chưa đạt hiệu quả như mong muốn; nhưng tầm nhìn xa hơn thì nó "không vô ích với cái ích xa. Trên con đường dài, ý thức của lao động, ý thức của người dân đã vượt lên một bước lớn. Họ nhận diện được Ó. Họ chia sẻ đậm đà hơn tình liên đới giữa cá với nhau. Họ còn sẽ biết đâu là nước" (Nguyễn, 1973, tr. 45). Và, dự phóng trong tương lai

thì đó lại là dấu hiệu "lạc quan tin tưởng hơn bao giờ hết ở sự thành công của cách mạng và sự sống của dân tộc" (Nguyễn, 1973, tr. 47). Trong trường hợp này, việc mổ xẻ, lật đi lật lại vấn đề đã cho Nguyễn Ngọc Lan thấy được ý nghĩa, vai trò và tầm vóc của cuộc tranh đấu đòi quyền lợi của các nữ công nhân.

Lý Chánh Trung, Nguyễn Ngọc Lan là những giáo sư triết học. Nền tảng triết học là một lợi thế giúp hai tác giả này có tư duy phân tích vấn đề một cách súc tích, bài bản, khoa học. Trong tác phẩm, hai ông không đơn thuần chỉ ra diện mạo của các sự kiện, hiện tượng mà còn tích cực tìm ra điểm xuất phát, lý giải lý do tạo nên chúng. Chẳng hạn, Lý Chánh Trung vận dụng hiệu quả cặp phạm trù nguyên nhân - kết quả để lập luận cho vấn đề "dân tộc" như sau: "Dân tộc không phải là tổng số những con vật hai chân cùng kiếm ăn trên một dải đất theo một số quy luật, thói quen nào đó. Dân tộc là sự kết hợp giữa những con người sống "cho ra con người". Mà chúng ta chỉ sống cho ra con người nhờ văn hoá. Mất văn hoá thì không còn con người do đó cũng không còn dân tộc chỉ còn những con vật có hai chân. Mà văn hoá được bảo tồn truyền bá và phát huy nhờ giáo dục. Nếu văn hoá bảo đảm sự trường tồn của dân tộc thì giáo dục bảo đảm sự trường tồn của văn hoá" (*Loạn*) (Lý, 1971, tr. 120). Tư duy triết học định hình cho các nhà bút ký chính luận này góc nhìn có chiều sâu, xuyên thấu bản chất vấn đề để giải thích hiện tượng.

Bút ký chính luận ở đô thị miền Nam 1965-1975 logic, mạch lạc trong việc triển khai ý tưởng lập luận. Từ phần đặt vấn đề cho đến dẫn dắt, giải quyết vấn đề, kết luận luôn có sự nhất quán về đề tài, chủ đề bài viết. Các tác giả thường minh giải vấn đề theo quá trình tổng - phân - hợp. Phân giới rạch ròi giữa mỗi luận điểm, người viết thường đánh số ký hiệu như *1), 2), 3)* hoặc chia ra thành từng phần, từng mục cụ thể. Điển hình như trong bài *Quá đắt!,* Lý Chánh Trung phân tích lý do oanh tạc Hải Phòng ngày 16/4/1972 của Mỹ. Thoạt tiên (đặt vấn đề, dẫn dắt vấn đề), ông nhận định tổng quát "Cuộc tấn công đã bước sang tuần thứ ba và y như nhiều người đã tiên đoán ông Nixon chỉ còn biết ra lệnh dội bom mỗi ngày một xa hơn về phía Bắc" (Lý, 2005, tr. 178). Tiếp theo (giải quyết vấn đề), ông đi sâu vào bản chất, nguyên cớ của cuộc oanh tạc bằng 5 giả thiết rất bài bản, được đánh dấu "thứ nhất, thứ hai,…". Cuối cùng (kết luận vấn đề), ông cho rằng: "khi nào ông Nixon chưa dám huỷ diệt toàn diện miền Bắc, ông sẽ không bao giờ huỷ diệt được ý chí chiến đấu của phe bên kia" (Lý, 2005, tr. 182).

Nhìn chung, luận cứ, luận điểm trong bút ký chính luận ở đô thị miền Nam 1965-1975 luôn có sự thống nhất để hướng đến mục đích luận chứng nhất quán về một chủ đề, đề tài. Phương diện này đã góp phần tạo nên chất lượng nghệ thuật cho thể loại vốn ưu tiên thông tin lý lẽ, biến chúng trở thành tác phẩm văn học đích thực, có chiều sâu về giá trị thẩm mỹ.

2.2. Thủ pháp "Gậy ông đập lưng ông"

Trong nghệ thuật quân sự, "gậy ông đập lưng ông" dùng để mô tả một chiến thuật kinh điển: lợi dụng chính kế của địch để đánh địch, "dùng kiếm giặc để giết giặc". Trong dân gian, "gậy ông đập lưng ông" là một thành ngữ chỉ việc một chủ thể nào đó dùng mưu kế nhằm làm hại đối tượng khác, nhưng cuối cùng lại gây hại cho chính mình. Trong văn học - nghệ thuật ngôn từ, thủ pháp "gậy ông đập lưng ông" có thể hiểu khái quát là: dùng lý lẽ của đối phương để tranh luận, phản biện lại đối phương.

"Văn chương là "vũ khí phê phán", chứ không phải là "sự phê phán bằng vũ khí"; ở đây chỉ có đấu lí chứ không đấu lực" (Phương, 1997, tr. 446). Trong tranh luận, để bác bỏ luận điệu của một đối thủ nào đó, không gì thú vị và đích đáng hơn là dùng lý lẽ của chính đối thủ ấy. Do đó, khi nói đến nghệ thuật luận chiến trên bình diện đấu trí, đấu lý bằng ngôn ngữ, thủ pháp "gậy ông đập lưng ông" được coi là một đòn hiểm, một vũ khí sắc bén. "Gậy ông đập lưng ông" là nghệ thuật lập luận giàu chất trí tuệ. Vận dụng thủ pháp này thành công cần có năng lực quan sát, tư duy phân tích, suy luận sắc sảo để phát hiện những sơ hở, điểm yếu của đối phương. Khai thác được những mặt hạn chế như vậy, người viết đặt đối phương vào một tình huống thất thế khó thể phản biện hay bào chữa.

Trước đó, trong *Tuyên ngôn độc lập,* Hồ Chí Minh đã vận dụng thủ pháp này một cách sắc bén, làm đối phương đuối lý. Trong bút ký chính luận ở đô thị miền Nam 1965-1975, thủ pháp "gậy ông đập lưng ông" được vận dụng trên cơ sở kế thừa, tiếp biến một trong những thủ pháp đặc sắc của thể văn chính luận nói chung nhưng ở một hoàn cảnh mới - giai đoạn chống Mỹ.

Nhìn tổng thể lực lượng sáng tác, Nguyễn Ngọc Lan là cây bút số một trong cách nói cạnh khoé, chặn họng đối phương để đặt đối phương vào tình thế "há miệng mắc quai". Tìm hiểu những bài viết của ông như *Con đỉa hai miệng hút, Bánh vẽ hay kẹo Mỹ: Hòa bình trong sức mạnh và trong ưu thế, Thư gửi sinh viên Huỳnh tấn Mẫn, Các con vật hai chân: những anh em tôi, Ngô Công Đức, anh "không là cái gì cả"...* người đọc sẽ có những ấn tượng nhất định vì Nguyễn Ngọc Lan vận dụng khá đặc sắc thủ pháp này. Chẳng hạn, chính quyền Sài Gòn cho rằng sinh viên, học sinh biểu tình, bãi khoá "chỉ là thiểu số". Ông quật lại ngay: "những kẻ chê cái thiểu số sinh viên học sinh kia lại vẫn thèm thuồng mà chưa bao giờ có được một thiểu số như vậy để thở khói cay, hơi mửa, để ăn đòn hội chợ, để nằm tù ngục cho cái thiểu số gọi là "chính nghĩa" và trật tự của họ" (Bị can sinh viên, học sinh: các anh có tội phá rối sự hỗn loạn) (Nguyễn, 1971, tr.86). Một lần khác, báo chí thân Mỹ đưa thông tin thất thiệt "lố nhố những người đứng, người ngồi" nhằm mục đích khoả lấp phong trào phản chiến của nhân dân Mỹ không ngừng lớn mạnh. Nguyễn Ngọc Lan lật ngược thế cờ bằng sự khôn khéo đặt từ (*lố nhố*) bên cạnh từ ngữ diễn đạt số lượng rất nhiều (*cả một tổ chức, những 6 triệu, toàn thể, đồng loạt*) để bài bác lý lẽ của đối phương và để công luận nhận ra tính chân xác của vấn đề: "Khỏi cần phải trở lại xa hơn trong những năm vừa qua, chỉ nguyên từ ngày tờ báo nọ in tấm hình kia, người ta còn thấy "lố nhố" cả một tổ chức Thanh niên Công giáo Mỹ quy tụ "lố nhố" những 6 triệu đoàn viên, ngày 22/5 đã lên tiếng "yêu cầu triệt thoái hoàn toàn các lực lượng quân sự khỏi Việt Nam càng nhanh càng tốt" (XD.25.5). Gần đây hơn nữa, người ta lại thấy "lố nhố" toàn thể các Giám mục và Giám mục thuộc giáo tỉnh Bos - ton - 14 vị - đồng loạt ngồi xuống rồi đứng lên ký một "thư chung" tỏ thái độ thật là "nguỵ hoà" đối với sự tham chiến của quân đội Mỹ ở Việt Nam" (*Con* đỉa hai miệng hút) (Nguyễn, 1971, tr. 254). Trong trường hợp này, Nguyễn Ngọc Lan đã linh hoạt dùng chính lý lẽ của đối phương và chủ ý sắp đặt, xử lý ngôn từ để phản bác lại luận điệu nguỵ biện, bịp bợm của tờ báo.

Điểm thống nhất trong bút ký chính luận ở đô thị miền Nam 1965-1975 là khi sử thủ pháp "gậy ông đập lưng ông", các tác giả đều hướng đến những lý lẽ của Mỹ và chính quyền Sài Gòn (gồm nhiều đối tượng như nhà cầm quyền, quan chức, tướng lĩnh, cố vấn chiến tranh, báo chí thân chính quyền, những tay bồi bút viết sai sự thật để trục lợi…). Vì vậy, nghệ thuật này thường đi song hành với cảm hứng châm biếm. Tùy vào vấn đề, người viết linh hoạt thể hiện cảm xúc ở nhiều cấp độ, khi nhẹ nhàng phê phán, mỉa mai; lúc gay gắt đả kích, lên án; lại có lần "đánh vỗ mặt" trực diện, "sức mạnh của nó cũng dữ dội, có thể ví như những đòn ngầm, làm cho đối thủ bị trọng thương đến phải chết" (Phương, 1997, tr. 446). Nếu Thế Nguyên hết lòng trân trọng cái mới, cái đẹp thì ông cũng không ngần ngại biểu thị thái độ không khoan nhượng với cái xấu, cái ác. Tác giả đã không ngại phá bỏ quy tắc trịnh trọng cần thiết khi viết về những nhân vật quyền lực của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Trong *Bộ mặt mới của những phong trào đấu tranh tại miền Nam*, Thế Nguyên đã bắt bẻ tinh tế nhưng không kém phần thâm thúy trước phát ngôn đầy cao hứng của Nixon: "Những lời tuyên bố của Tổng thống Nixon (16/9/1971) khi ông nói rằng "còn cần phải có nhiều thế hệ nữa Nam Việt-nam mới có thể đạt tới được một nền dân chủ như ở Hoa-kỳ", không những đã không làm tăng uy tín cho Tổng thống Thiệu, mà thái độ đó, ngược lại, tàn phá những nghười ôm ấp lý tưởng tự do và những kẻ chủ trương cải cách ôn hòa" (Thế, 1972, tr. 28). Lý Chánh Trung cũng có những trang viết với cách nói "khóa ngôn" đối phương gai góc như thế. Đơn cử trong bài *Từ Hoa Thạnh Đốn đến Qui Nhơn,* phản bác lại việc Nixon khẳng định sự thành công mỹ mãn của chương trình Việt hóa chiến tranh, Lý Chánh Trung thẳng thắn đặt lại vấn đề: "Nếu chương trình Việt hóa đã thành công, nếu Cộng sản đã kiệt quệ và miền Nam được bình định đến 99 phần 100 thì không ai hiểu nổi tại sao ông Nixon phải tái oanh tạc Bắc Việt để "bảo vệ sự an toàn của lực lượng Hoa Kỳ còn lại ở Việt Nam Cộng hoà" (Lý, 1971, tr. 240). Đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, tâm lý là khía cạnh mà Mỹ đặc biệt chú trọng trong chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới ở miền Nam 1965-1975. Điều "không ai hiểu nổi" mà Lý Chánh Trung đặt ra hẳn làm phiền lòng Mỹ và trái ý chính quyền Sài Gòn. Hậu quả có thể khiến ngòi bút của ông phải trả giá bằng nhiều hình thức như bị tịch thu, phạt vạ, thậm chí tù đày. Nhưng qua đó nó đã cho thấy chất thép, bản lĩnh

của tác giả, và bút ký chính luận ở đô thị miền Nam 1965-1975 thực sự trở thành thứ vũ khí chiến đấu sắc bén, tham gia tích cực vào nhiệm vụ tranh đấu chống tiêu cực trong xã hội.

Một điều khá thú vị khi tìm hiểu thủ pháp "gậy ông đập lưng ông" trong bút ký chính luận ở đô thị miền Nam 1965-1975 còn là ở việc các tác giả đã linh hoạt chuyển hoá chính kiến mang hàm ý "chống phá" của đối phương thành nội dung tuyên truyền chủ nghĩa yêu nước. Hình thức triển khai cũng khá đa dạng: bổ sung ý, cắt gọt câu chữ, chọn 'từ khóa" đặc sắc để nhấn mạnh, viết chữ in hoa, chuyển chữ in thường thành in nghiêng để tạo sự chú ý cho người đọc,… Chẳng hạn, tác giả Sức Mấy (tác giả viết báo thân chính quyền Sài Gòn) đưa ra kết luận: "Ước mong những ai, dù cầm quyền hay chống chính quyền, tự biết rõ thân phận của mình và nhất là còn biết rõ việc mình đang làm và cái đích mình muốn tới, CŨNG LÀ NGƯỜI VIỆT NAM, KHÔNG CÓ KẺ THẮNG NGƯỜI BẠI, MÀ CHỈ CÓ TẤT CẢ ĐỀU THẮNG HAY TẤT CẢ ĐỀU BẠI". Quan điểm này thu hẹp phạm vi nước Việt Nam chỉ trong miền Nam, đặt việc giải quyết vấn đề hoà hợp dân tộc phụ thuộc vào nội bộ của chính quyền Sài Gòn. Từ câu văn đó, Nguyễn Ngọc Lan đã nhạy bén khai triển lại lối diễn đạt, thêm bớt thành phần nội dung để viết thành một câu kết luận khác: "ước mong những ai, BÊN NÀY HAY BÊN KIA BẾN HẢI, CHÍNH QUYỀN SAIGON HAY MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, tự biết rõ thân phận mình. CŨNG LÀ NGƯỜI VIỆT NAM, KHÔNG CÓ KẺ THẮNG NGƯỜI BẠI, MÀ CHỈ CÓ TẤT CẢ ĐỀU THẮNG HAY TẤT CẢ ĐỀU BẠI" (*Bánh vẽ hay kẹo Mỹ: "Hoà bình trong sức mạnh và trong ưu thế*") (Nguyễn, 1971, tr. 51). Trường nghĩa trong câu văn này rõ ràng khác biệt về ý biểu đạt. Đất nước Việt Nam là tổng thể hai miền Nam - Bắc và việc hàn gắn lại những rạn nứt trong lòng dân tộc là trách nhiệm chung của nhân dân Bắc - Nam, chính quyền Sài Gòn và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Lý Chánh Trung cũng có những đoạn văn rất "cao tay" khi xét ở khía cạnh này. Câu trả lời của Phó Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ trên báo Chính Luận: "dân chúng chỉ chịu hy sinh thêm khi thấy Chính phủ làm đúng", cho nên cần phải có một cuộc "Cách mạng xã hội" để "gạt bỏ những bất công, những thối nát của xã hội miền Nam này, gạt bỏ tất cả những thằng nhơ bẩn những nhóm nhơ bẩn ra khỏi chính quyền". Lý Chánh Trung dùng chính lời lẽ của nhân vật phát ngôn, lựa chọn những "từ khóa" đặc sắc nhất (những đoạn gạch dưới) để công kích lại đối tượng một cách sắc sảo, chua cay. Ông viết lại: "Trong khi chờ đợi, những bất công thối nát vẫn đầy dẫy, "những thằng dơ bẩn" vẫn phây phây trong chế độ miền Nam và người dân, người lính miền Nam phải hy sinh cho cái gì và cho ai! Chẳng lẽ bắt họ phải hy sinh cho "những bất công thối nát", cho những "thằng dơ bẩn", và tiếp tục hy sinh cho tới khi nào ông Phó Tổng thống hoặc con cháu ông làm được cuộc cách mạng" (Richard Napoléon Nixon) (Lý, 1971, tr. 284). Sự va chạm giữa hai ý kiến có thể coi là một đòn phản công mạnh mẽ vào đối phương. Nó minh chứng sống động cho nghệ thuật lập luận linh hoạt, bản lĩnh của người viết trong việc xoay ngược tình thế "chuyển bại thành thắng", biến cái tưởng chừng như bất lợi thành có lợi cho mình.

Có thể nói rằng, bút ký chính luận ở đô thị miền Nam 1965-1975 đã kế thừa và phát huy hiệu quả thủ pháp nghệ thuật "gậy ông đập lưng ông". Các tác giả có sắc thái luận chiến phong phú, vừa mềm dẻo, khéo léo nhưng khi cần thì không kém phần sôi nổi, đanh thép.

2.3. Thủ pháp tương phản - đối lập

Tương phản - đối lập là thủ pháp nghệ thuật dùng sự soi chiếu, đối sánh giữa hai (hoặc nhiều) đối tượng có những tính chất, đặc điểm trái ngược nhau. Mục đích chính của nghệ thuật này là nhằm nhấn mạnh, tô đậm sự khác biệt giữa các thành phần để đó làm nổi bật lên tư tưởng, quan điểm của người viết.

Trong bút ký chính luận ở đô thị miền Nam 1965-1975, nghệ thuật này được thể hiện ở nhiều bình diện, có khi được tác giả gây chú ý cho tiêu điểm ở phần tít. Đặt theo sự tương phản về ý nghĩa sự kiện, tính chất vật lý, kích thước, thể trạng,…: Đầu voi, óc tép !, *Cưới chạy tang, người lớn con nít* của Lý Chánh Trung). Đặt theo sự tương phản về ý nghĩa biểu tượng: *Bầy kên kên trên cây thập giá* của Lý Chánh Trung; *Cho em một lưỡi cày, năm mươi họng súng*, *Không bồ câu, không diều hâu mà vẫn chưa là én* của Nguyễn Ngọc Lan, *Gươm đao biến thành lưỡi cày, Những thiên thần trong địa ngục* của Thế Nguyên). Đặt theo sự tương phản - bất thường về mặt logic: *Bị can sinh viên, học sinh: các anh có tội phá rối sự hỗn loạn, Khi Bộ Giáo dục là bộ lom khom,*

Thưa ông Thông Tin, văn nghệ hủ hóa ghi ơn ông của Nguyễn Ngọc Lan. Bên cạnh đó, các tác giả còn dàn dựng, triển khai thành kết cấu của tác phẩm, như: *Đôi mắt trẻ thơ, Cuối năm buồn, Dân tộc đây rồi!, Bên bờ sông Thạch Hãn, Sài Gòn bề mặt, Sài Gòn bề sâu* của Lý Chánh Trung*; Hiroshima quê hương tôi, Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền* của Nguyễn Ngọc Lan; *Chính sách can thiệp Mỹ, Dân chủ hay chủ D*ân*?, Bầu cử v*à dân chủ, D*ân chủ pháp trị hay dân chủ tùy ý?* của Thế Nguyên.

Bút ký chính luận ở đô thị miền Nam 1965-1975 phát triển mạnh mẽ trong hoàn cảnh miền Nam có nhiều biến động dữ dội về tình hình chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng. Mùa hè năm 1965, hơn nửa triệu lính Mỹ (và đồng minh) đổ quân ào ạt vào miền Nam với lý do giúp bảo vệ tự do, bảo vệ hòa bình cho dân chúng miền Nam trước sự tấn công của Cộng sản. Bằng những chiêu bài được che đậy khéo léo, Mỹ đã dựng nên bức bình phong đẹp đẽ về vai trò nghĩa vụ quốc tế cao cả, và điều này dễ khiến nhiều người lầm tưởng vào thiện chí Mỹ (thực chất Mỹ đến miền Nam để thực hiện cuộc chiến tranh xâm lược theo kiểu thực dân mới). Không phải ai cũng có thể nhận ra được bản chất của hiện tượng, ngọn nguồn mâu thuẫn và phân biệt được rạch ròi "ai bạn ai thù". Trong hoàn cảnh miền Nam tồn tại hai mặt thật - giả, trắng - đen lẫn lộn như thế, thủ pháp tương phản - đối lập rất có tác dụng để các tác giả vạch trần "màn kịch của Mỹ" (chữ dùng của Nguyễn Ngọc Lan), qua đó phanh phui bản chất của vấn đề.

Thể loại bút ký chính luận ở đô thị miền Nam 1965-1975 có dung lượng nhỏ gọn. Việc bộc lộ chính kiến, quan điểm công khai trên văn bản bằng cách nói trực diện, thẳng thắn là sự lựa chọn ưu tiên của người viết. Các tác giả nghiên cứu để tìm hiểu, phân tích bản chất các hiện tượng trong đời sống (chính trị, văn hoá, xã hội, tôn giáo,...) và dùng tư duy logic để bày tỏ quan điểm, lập trường, chính kiến của mình. Việc vận dụng thủ pháp tương phản - đối lập thể hiện được sự đặc sắc, bởi các tác giả bút ký chính luận ở đô thị miền Nam 1965-1975 sử phong phú điểm nhìn ở góc rộng - hẹp, có so sánh trong cùng một đối tượng và giữa nhiều đối tượng với nhau. Có khi tác giả chỉ tập trung 'mổ xẻ' chi tiết hai mặt của một vấn đề, chẳng hạn một thuật ngữ nào đó, như trường hợp này của Thế Nguyên: "Dân chủ là một hệ thống được xây dựng dựa trên sự tranh đua thường trực giữa các lực lượng chính trị trong nước. Một chế độ một khi không chịu chấp nhận sự tranh đua của những lực lượng khác với mình, thì đó chính là một chế độ chủ dân chứ không phải dân chủ" (Thế, 1972, tr. 20). Nhưng vẫn với thủ pháp này, có trường hợp Thế Nguyên lại đặt điểm nhìn ở góc rộng, trình bài khái lược một số khía cạnh đối lập giữa mỹ ngôn và hành động thô bạo trong "Chính sách can thiệp Mỹ" ở miền Nam. Một mặt, "người Mỹ giải thích về sự can thiệp trực tiếp và mạnh mẽ của họ (...) chỉ tới cứu giúp xứ bạn theo lời khẩn thiết của xứ này để chặn đứng một cuộc xâm lăng do Cộng sản miền Bắc xâm nhập (...) góp phần vào công việc bảo vệ Thế giới Tự do, chống lại sự phá hoại do Cộng sản Quốc tế điều động". Một đằng khác, họ lại "áp dụng một cách tàn bạo trên miền đất khốn khổ này (chẳng hạn về quân sự: hoàn toàn dù ng kỹ thuật, trải bom bừa bãi...; về chính trị: can thiệp, chi phối trắng trợn vào nội bộ Việt Nam...; về kinh tế: làm xáo trộn mọi sinh hoạt kinh tế, tương quan xã hội của dân chúng miền Nam) cũng đã đủ cho những người, mặc dù không có tình cảm với chủ nghĩa Cộng sản, nhưng lúc này cũng không thể chấp nhận được Mỹ" (Thế,1997, tr. 934). Trong trường hợp này, sự tương phản có hiệu quả trong việc lật tẩy chiêu bài giả hiệu, bản chất nguỵ tạo, lừa bịp của giới cầm quyền Mỹ. Qua đó, người viết khẳng định mục đích của Mỹ ở miền Nam là xâm lược.

Từ 1965-1975, khi Mỹ bộc lộ rõ mưu đồ xâm lược miền Nam, xã hội ngày một phân hoá thành hai thái cực căng thẳng giữa dân tộc Việt Nam và Mỹ, nhà cầm quyền Sài Gòn và nhân dân yêu nước miền Nam, tư bản giàu có và người lao động nghèo,... Hiện thực này trở thành chất liệu chính để văn học, báo chí tập trung phản ánh. Nhiều tác giả, trong đó có đội ngũ viết bút ký chính luận đã thể hiện nỗi thất vọng, bất bình trước những nghịch lý, mâu thuẫn của đời sống. Đối với cây bút trẻ như Trần Triệu Luật, việc lựa chọn vấn đề phản ánh và cách thức vận dụng thủ pháp tương phản - đối lập còn tương đối "nhẹ nhàng", chưa có tính "va chạm" đến các sự kiện nội chính nóng hổi nhưng đã để lại ấn tượng nhất định với những câu văn khiến người đọc chạnh lòng, chua xót: "Có lẽ Sài Gòn được nổi tiếng là HÒN NGỌC VIỄN ĐÔNG vì ban đêm Sài Gòn thường lóng lánh điện sáng. Nhưng sự thật lại không hẳn như thế. Về

đêm, giữa lòng thành phố Sài Gòn, vẫn có những khu nhà lụp xụp không đèn. Trong mùa hè năm nay, giữa trung tâm thành phố, lại có thêm một khu nhà không đèn. Đó là khu sở Sinh Viên (…). Nói một cách văn vẻ, trụ sở Sinh Viên là vết nhơ trên HÒN NGỌC VIỄN ĐÔNG của những người da trắng văn minh" (Trần, 1993, tr. 516). Trong khi đó, những cây bút kỳ cựu như Nguyễn Ngọc Lan, Lý Chánh Trung đã cho thấy thủ pháp tương phản - đối lặp rất thích hợp để làm nổi bật những điều phi logic trong xã hội ở miền Nam 1965-1975 mà "nội dung của nó bất đồng rõ rệt - so với ý kiến đã được số đông chấp nhận, đã thành truyền thống, hoặc so với lẽ thông thường" (Lại, 1999, tr. 218). Đặc biệt với thủ pháp này, hai ông thể hiện sự "chắc tay" khi phản ánh những đều nghịch lý do Mỹ và chính quyền Sài Gòn tạo ra: những cái tiêu cực lại được dung dưỡng, tạo điều kiện phát triển; và ngược lại, cái tích cực bị giam hãm, chặn đứng. Ví dụ, Nguyễn Ngọc Lan mạnh mẽ phê phán hành vi "vừa đấm vừa xoa" của chính quyền Sài Gòn trong kiểm soát báo chí: "một tay Nhà nước sẽ gọi là "trợ cấp" vài tỷ bạc để hạ giá giấy báo, như ban bố một ân huệ. Còn tay kia Nhà nước lại sẽ tiếp tục siết cổ báo chí hơn nữa bằng việc hốt cắt đục bừa bãi, truy tố, phạt tiền, bỏ tù loạn xà ngầu hết các báo chí từ cực hữu đến cực tả... chỉ trừ thứ báo chí cực tục tĩu" (*Thưa ông Thông tin, đế quốc văn hoá Mỹ ghi ơn ông*) (Nguyễn, 1973, tr. 95). Lý Chánh Trung phản ánh những điều vô lý trong cục diện xã hội miền Nam như sau: "Không thể được xem là bình thường một xã hội mà một bữa ăn tại nhà hàng Maxim's có thể nuôi sống một gia đình nghèo túng một tháng, một xã hội không còn đất để cất trường cho con em ăn học nhưng vẫn thừa đất để xây buyn đinh cho Mỹ mướn, một xã hội mà nhà cầm quyền luôn miệng hăm he những kẻ chủ hoà và tận tình bào chữa cho bọn tham nhũng, một xã hội kiểm duyệt tịch thu liên miên sách báo lành mạnh và cho phát triển thả cửa sách báo nham nhở dâm ô" (*Cuối năm buồn*) (Lý, 1971, tr. 254). Cùng thủ pháp tương phản - đối lập, việc vận dụng thêm nghệ thuật điệp từ trong đoạn văn trên của Lý Chánh Trung đã thể hiện đậm nét hình ảnh một xã hội tồn tại quá nhiều điều bất công, nhiều dấu hiệu tiêu cực.

Trong bút ký chính luận ở đô thị miền Nam 1965-1975, tương phản là một thủ pháp hay. Mỗi tác giả đều vận dụng với những mức độ nhất định để tạo hiệu quả phản ánh hay gây ấn tượng. Nhưng có lẽ, Lý Chánh Trung là cây bút nổi bật và độc đáo khi xét ở bình diện này. Tác phẩm của ông có sự đặc sắc bởi những thành phần đối lập gần kề nhau, tạo nên những hiệu ứng tương phản một cách sắc nét, sinh động. Trong nhiều trang viết, tác giả huy động vốn từ ngữ dồi dào mang sắc thái, ngữ nghĩa trái ngược nhau rồi khéo léo sắp xếp chúng thành các cặp tương phản song hành nối tiếp. Chẳng hạn: "Vũ trụ của trẻ con linh động, tươi mát, rực rỡ, nồng nàn bao nhiêu thì vũ trụ của người lớn chết cứng, khô cằn, vô hương, vô sắc, vô vị bấy nhiêu. Đôi mắt trẻ thơ trong bao nhiêu thì đôi mắt người lớn đục ngầu bấy nhiêu, đục như mắt người mù" (Đôi mắt trẻ thơ) (Lý, 1971, tr. 164). Ngoài ra, bút ký chính luận của Lý Chánh Trung còn xuất hiện các cặp tương phản mà hai vế tạo thành cặp đối lập được kiến trúc đối xứng, tạo nên một lối hành văn đăng đối rất độc đáo, thú vị: "Một bên thật giàu, thật lớn, thật mạnh, một bên thật nghèo, thật nhỏ, thật yếu. Một bên thả bom một bên hứng bom. Một bên đi giày, một bên chân không, một bên mập lù một bên ốm nhách. Một bên cưỡi máy bay, một bên chạy bộ" (*Bầy kên kên trên cây thập giá*) (Lý, 1971, tr. 158).

Nhìn ở một góc độ nào đó, hình thức diễn đạt này có nét tương đồng với loại văn biền ngẫu. Điều này tưởng chừng không thích hợp với văn chương hiện đại và người đọc đương thời cũng khó thể chấp nhận. Thế nhưng thủ pháp này lại rất thích hợp đối với mục đích tranh luận của các tác giả bút ký chính luận ở đô thị miền Nam 1965-1975. Về tầng nghĩa biểu hiện, cách thức này vừa làm đậm nét sự đối chọi gay gắt giữa một bên "ưu thế" (các nước đế quốc - các nước giàu) và một bên "thất thế" (các nước thuộc địa - các nước nghèo). Xét về cấu trúc , sự cân đối giữa các vế giúp cho câu văn có sự vững chắc, cứng cáp. Ngữ điệu luận chiến nhịp nhàng, khoẻ khoắn. Sự so sánh không khập khiễng tăng độ khách quan, thuyết phục đối với người đọc.

3. Kết luận

Bút ký chính luận trong dòng văn học yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975 hình thành trong điều kiện bị kiểm duyệt gắt gao nhưng vẫn quyết liệt tranh đấu cho hoà bình, độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. Chính vì vậy, không ít người vẫn mặc định rằng, những tác phẩm này chỉ có giá trị ở việc truyền tải nội dung tranh đấu tức thời, còn giá trị nghệ thuật thì khá hạn chế. Tuy nhiên, qua bình diện nghệ thuật luận

chiến, có thể thấy bút ký chính luận ở đô thị miền Nam 1965-1975 đã có những đóng góp nhất định không chỉ ở phương diện nội dung mà còn ở hình thức nghệ thuật. Các tác giả đã linh hoạt kế thừa, triển khai thêm nhiều góc độ, bình diện của các thủ pháp luận chiến để nâng cao chất lượng nghệ thuật cho mảng văn học đặc biệt này. Điều đó đã ít nhiều góp phần làm cho bút ký chính luận ở đô thị miền Nam 1965-1975 có một vị trí, một mắc xích quan trọng vào tiến trình phát triển của thể loại bút ký chính luận nói riêng, trong nền văn học dân tộc nói chung./.

Tài liệu tham khảo

Hoàng, T. T. (chủ biên). (1976). *Văn học Việt Nam chống Mỹ cứu nước*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.

Huỳnh, N. P. (2019). *Văn học miền Nam Việt Nam 1954-1975: Những khuynh hướng chủ yếu và thành tựu hiện đại hóa*. Thành phố Hồ Chí Minh: Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam lần thứ 2.

Lại, N. A. (1999). *150 thuật ngữ văn học*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn, H. D. (2012). *Đặc điểm bút ký chính luận Lý Chánh Trung*. Thành phố Hồ Chí Minh: Luận văn Thạc sĩ Văn học. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhiều tác giả. (1978). *Văn hóa văn nghệ miền Nam dưới chế độ Mỹ Ngụy*. Hà Nội: NXB Văn hóa.

Nhiều tác giả. (1993). *Tiếng hát những người đi tới*. Thành phố Hồ Chí Minh: Báo Thanh Niên - Báo Tuổi trẻ - NXB Trẻ.

Nhiều tác giả. (1997). *Văn học yêu nước - tiến bộ - cách mạng trên văn đàn công khai Sài Gòn 1954-975*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhiều tác giả. (2015). *Phong trào tranh đấu đô thị - Thời quật khởi*. Đà Nẵng: NXB Hội Nhà văn.

Phương, L. (chủ biên). (1997). *Lí luận văn học (tái bản lần thứ năm)*. Hà Nội: NXB Giáo dục.

Tần, H. D. V., & Nguyễn, Đ. N. (2013). *Phác hoạ chân dung một thế hệ*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.

Trần, H. T. (2000). *Nhìn lại một chặng đường văn học*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Thành phố Hồ Chí Minh.